

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH BÁO IN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1138-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Báo chí
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành báo chí, chuyên ngành báo in
Tên tiếng Anh	: BA program in Print Journalism
Mã số	: 7320101
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Viện Báo chí - Truyền thông

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH BÁO IN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1138-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Tên văn bản : **Cử nhân Báo chí**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Tên CTĐT : **Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành báo chí, chuyên ngành báo in**
Tên tiếng Anh : **BA program in Print Journalism**
Mã số : **7320101**
Thời gian đào tạo : **4 năm**
Khoa quản lý : **Viện Báo chí - Truyền thông**

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí – Truyền thông

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện*: Nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Viện Báo chí – Truyền thông*: Viện Báo chí – Truyền thông là đơn vị cấp Viện duy nhất của Học viện Báo chí và Tuyên truyền – trường Đảng, trường Đại học trọng điểm quốc gia; là đơn vị đào tạo, nghiên cứu, tư vấn, ứng dụng phát triển báo chí truyền thông có lịch sử và truyền thống lâu đời nhất, quy mô lớn nhất và có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất trong cả nước.

1.2. Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện*:

- Là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục của Việt Nam trong các lĩnh vực lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.

- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế; trung tâm nghiên cứu có tầm ảnh hưởng về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông tại Đông Nam Á và châu Á.

- Phấn đấu đến năm 2045, Học viện trở thành trường đại học hàng đầu tại châu Á.

- *Tầm nhìn của Viện Báo chí - Truyền thông*: Vì sự phát triển của nền báo chí cách mạng Việt Nam dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và khoa học báo chí truyền thông, phụng sự nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện*:

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

Dân chủ: Là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

Đổi mới: Là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

Chất lượng: Là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

Cống hiến: Là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- *Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí - Truyền thông:*

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Viện.

Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Viện

Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực có trình độ đại học về chuyên ngành báo in, có khả năng đảm nhiệm các vị trí: phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo chí nói chung, báo in nói riêng; làm cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ báo chí và truyền thông đại chúng; làm cán bộ chức năng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý thông tin báo chí hoặc thực hiện các chức trách công tác đòi hỏi sự hiểu biết có hệ thống, cơ bản về lý luận và kỹ năng nghiệp vụ báo chí; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ, tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học hoặc khởi nghiệp bằng chuyên ngành mình đã học.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1.2.1. Kiến thức:

PO1: Sinh viên hiểu một cách hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Sinh viên có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học

PO3: Sinh viên áp dụng được các kiến thức cơ bản về tin học phù hợp với ngành Báo chí;

PO4: Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí nói chung, báo in nói riêng của Việt Nam và thế giới;

PO5: Sinh viên hiểu quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo in và có thể áp dụng thành thạo vào việc sáng tạo các tác phẩm báo chí đáp ứng yêu cầu của báo in.

PO6: Sinh viên có thể đọc hiểu, giao tiếp tốt về mặt ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí.

2.1.2.2. Kỹ năng:

PO7: Sinh viên có khả năng phát hiện, tìm kiếm đề tài báo chí và thu thập, thẩm định thông tin; thành thạo trong xây dựng kế hoạch đề tài, kịch bản và tổ chức thông tin;

PO8: Sinh viên sử dụng ở mức cơ bản những công nghệ mới trong hoạt động sáng tạo báo in, sử dụng thành thạo máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm và các phần mềm xử lý ảnh, thiết kế đồ họa; biết cách lựa chọn các phương tiện phù hợp để chuyển tải thông điệp hiệu quả;

PO9: Sinh viên có khả năng sáng tạo tác phẩm báo chí thuộc các loại hình báo mạng điện tử, phát thanh, truyền hình, đặc biệt là báo in; có năng lực tác nghiệp linh hoạt với nhiều phương tiện khác nhau (máy ảnh, phần mềm thiết kế) và bước đầu biết cách đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp bằng các phương pháp định tính và định lượng;

PO10: Sinh viên giao tiếp, thuyết trình, thảo luận tốt;

PO11: Khả năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên đạt mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; sử dụng thành thạo ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

PO12: Sinh viên thành thạo về tin học và công nghệ, bao gồm: sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO13: Sinh viên có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các môi trường cũng như điều kiện làm việc khác nhau;

PO14: Sinh viên có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm cũng như có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc;

PO15: Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo Cử nhân Báo in đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động những phóng viên, biên tập viên tại các tòa soạn báo chí nói chung, báo in nói riêng, các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế, các Bộ, Ban, Ngành, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp...

Với kiến thức liên ngành được trang bị trong quá trình học tập, khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng ở nhiều vị trí khác nhau như:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các tòa soạn báo, tạp chí, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (đài phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành báo in.

- Làm việc tại các cơ quan đơn vị có liên quan đến báo chí và truyền thông như: Các cơ quan quản lý báo chí – truyền thông,

các cơ quan tuyên giáo, các cơ quan, tổ chức truyền thông, các bộ phận thông tin tổng hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội, Hội nhà báo, các công ty quan hệ công chúng...

- Công tác tại các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong nước, quốc tế có bộ phận truyền thông
- Nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo báo chí truyền thông, các cơ quan nghiên cứu trong nước.
- Có khả năng tự khởi nghiệp trong lĩnh vực báo in nói riêng, báo chí và truyền thông nói chung.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học tập ở trình độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ, ngành báo chí, truyền thông, và các ngành gần, ngành phù hợp khác

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Văn hóa Hà Nội...

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

* Khảo sát nhu cầu xã hội

Tháng 10/2023, Viện Báo chí đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành báo in. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các cơ quan báo in, công ty truyền thông; Giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí, số lượng: 30 người theo hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

Về nhu cầu nhân lực chuyên ngành báo in: 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành báo in hàng năm. Các công ty truyền thông, tập đoàn cũng cần nhân lực báo in để phát triển các xuất bản phẩm phục vụ truyền thông nội bộ và các hoạt động truyền thông định kỳ.

* Khảo sát chất lượng đào tạo với đối tượng sinh viên chuyên ngành báo in trước tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

Theo khảo sát, hơn 75% sinh viên hài lòng với khóa học; 84%-90% sinh viên hài lòng về nội dung của chương trình học tùy theo từng tiêu chí đánh giá; trên 84% sinh viên hài lòng với cấu trúc của chương trình; trên 93% sinh viên hài lòng với các phương pháp kiểm tra đánh giá; trên 90% sinh viên hài lòng với các phương pháp giảng dạy trong chương trình... Sinh viên cũng đánh giá chương trình đào tạo cử nhân báo chí, chuyên ngành báo in phù hợp, cập nhật và hữu ích. Đội ngũ giảng viên giỏi, chương trình học đa dạng, được tiếp cận nhiều xu hướng báo chí mới, được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để có thể hành nghề sau khi ra trường.

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Nội dung
4.1	Kiến thức
	<i>Kiến thức chung</i>
PLO 1	Mô tả và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thể giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.
PLO 2	Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học, pháp luật, tâm lý học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động báo chí - truyền thông.
PLO 3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học, phương pháp tiếp cận báo chí - truyền thông, để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động báo chí - truyền thông và quản lý hoạt động báo chí - truyền thông.
PLO 4	Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động truyền thông và quản lý các lĩnh vực truyền thông.
	<i>Kiến thức ngành</i>
PLO 5	Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm: các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, lịch sử, văn hóa, tâm lý báo chí, công chúng báo chí - truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí báo chí - truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, ngôn ngữ báo chí truyền thông, quan hệ quốc tế ...
PLO 6	Phân biệt được các loại hình báo chí; xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại báo chí; phân tích được quy trình, kỹ thuật công nghệ và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại. Phân tích được bản chất, tính mục đích của

	hoạt động báo chí, các nguyên tắc hành nghề và các chức năng cơ bản của báo chí; trình bày được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp;
	Kiến thức chuyên ngành
PLO 7	Vận dụng được vấn đề lý luận và thực tiễn vào sáng tạo báo in: khái niệm, đặc điểm, phương thức sản xuất; phân tích được vai trò, yêu cầu và các thể loại báo in, các nguyên tắc, phương pháp sáng tạo... của báo in. Phân tích được đặc điểm của từng thể loại báo in, quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại, tổ chức sản xuất tác phẩm báo in.
4.2	Kỹ năng
	Kỹ năng chung
PLO 8	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, so sánh, phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu; nhận định, giải quyết vấn đề, tình huống một cách sáng tạo; thành thực phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic, tư duy hệ thống.
	Kỹ năng chuyên biệt của ngành
PLO 9	Có khả năng phân tích, thiết lập kế hoạch truyền thông, nghiên cứu công chúng, thiết kế thông điệp, giám sát, đánh giá và duy trì kế hoạch truyền thông trong nước và quốc tế; sử dụng các công cụ đánh giá, giám sát để truyền thông một cách có hiệu quả
PLO 10	Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, biên tập báo chí - truyền thông, sử dụng đạo đức, pháp luật, văn hóa, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí, đặc biệt là tác phẩm báo in
PLO 11	Có kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin; kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng.
PLO 12	Thành thạo trong việc sáng tạo các thể loại báo chí cho báo in, tổ chức sản xuất sản phẩm báo in và biên tập tác phẩm báo in;
4.3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO 13	Năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện môi trường làm việc độc lập và trách nhiệm với nhóm
PLO 14	Có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí nói chung, chuyên ngành báo in nói riêng, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, bối cảnh chuyển đổi số

PLO 15	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
--------	--

4.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 617 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Mục tiêu đào tạo \ PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng								x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm													x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Sơ đồ cây chương trình đào tạo

[illegible]

9. Nội dung chương trình

9.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
A. Kiến thức giáo dục đại cương	44
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6/18
A3. Toán và khoa học tự nhiên	3
A4. Ngoại ngữ	15/30
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	13
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86
B1. Kiến thức cơ sở ngành	19
<i>Bắt buộc</i>	13
<i>Tự chọn</i>	6/18
B2. Kiến thức ngành	43
<i>Bắt buộc</i>	37
<i>Tự chọn</i>	6/18
B3. Kiến thức chuyên ngành	24
<i>Bắt buộc</i>	12
<i>Tự chọn</i>	6/18

Khối kiến thức	Số tín chỉ
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận	6
Tổng	130

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25		5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	TM01001
3	CN01001	CNXHKH	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5		2,5	11,25	TM01001
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5		5	11,25	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5		5	11,25	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	2	0,8	0,2	30	0	10	0	14	9	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	1,5	0,3	0,2	15	7,5	9		0	9	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
Tự chọn			6/16										
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	1.5	0.25	0.25	12.5	10	0	2.5	5	11.25	
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	7,5	0	0	11,25	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	1.5	0.25	0.25	12.5	10	2.5	0	5	11.25	
18	XH01001	Xã hội học đại	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	5	0	2,5	11,25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		cương											
A3. Toán và khoa học tự nhiên			3										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	1	1	1	15				20	10	45
A4. Ngoại ngữ			15/30										
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21			9	22,5
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30			15	22,5
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21			9	22,5
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng			13										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			19										
Bắt buộc			13										
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức BCTT	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	NP01001 BC02110
29	XB02626	Nghị vụ biên tập BCTT	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	0	0	37.5	11,25	
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	27.5	11,25	
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	1.5	1	0.5	12.5	10	5	0	25	22.5	
32	QT01001	Quan hệ quốc tế	2	1.5	1.25	0.25	10	12.5	15	15	15	11,25	TM01012 CT01001
Tự chọn			6/18										
33	PT03136	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	3	1.5	1	0.5	10	12.5	22.5	15	15	22.5	
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	15	0	22.5	11.25	
35	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3	1.5	1.5	0	22.5	0	10	0	35	0	BC02801
36	PT02805	Lịch sử báo chí	3	1	1.75	0.25	10	5	5	10	37.5	11,25	
37	BC02109	Văn hoá báo chí -	3	1	1.5	0.5	10	5	15	0	30	22.5	BC02110

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		truyền thông											
38	BC03840	Thực tế CTXH	2	1	1	0	15	0	0	0	30	0	BC02110 BC02801 BC03802
B2. Kiến thức ngành			43										
Bắt buộc			37										
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	1	1.75	0.25	10	5	5	15	32.5	22.5	PT03136
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	33	0	5	11,25	
41	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	1.5	1.25	0.25	22.5	5	10	0	32.5	11,25	
42	BC02115	Công chúng báo chí- truyền thông	3	1.5	1	0.5	18	5	12.5	0	10	22.5	
43	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	1	0.75	0.25	10	5	13	0	10	11,25	BC02801 BC02115
44	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3	1.5	1	0.5	12.5	10	10	0	20	22.5	BC02801
45	PT03134	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số	3	1	1.75	0.25	10	5	10	10	32.5	11,25	
46	BC03802	Lao động nhà báo	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	30	22.5	BC02110 BC02801
47	BC03171	Tác phẩm báo in	3	1	1.5	0.5	10	5	5	0	40	22.5	BC02110 BC03802
48	PT03131	Tác phẩm báo	3	1.0	1.75	0.25	10	5	10	10	32.5	11,25	PT03134

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		phát thanh											
49	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3	1.0	1.75	0.25	10	5	5	5	42.5	11.25	PT03134
50	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3	1	1.75	0.25	10	5	10	5	47.5	11.25	PT03134
51	BC03822	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3	0.5	2.0	0.5	0	7.5	0	0	60	22,5	BC02110 BC03802 BC03804
Tự chọn			6/18										
52	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	3	1.5	1	0.5	17.5	5	10	0	25	22.5	BC02110 BC03802 BC03804
53	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3	1.5	1	0.5	15	7.5	10	0	20	22.5	PT03133 PT03132 PT03133
54	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3	1	1.75	0.25	10	5	12.5	0	40	11.25	PT03131 PT03132 PT03133
55	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3	1.5	1	0.5	15	7.5	7.5	0	30	22.5	
56	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3	1.5	1.25	0.25	15	12.5	0	0	37.5	11.25	
57	BC03843	Báo chí về các vấn đề toàn cầu	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	25	22.5	BC03813

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
B3. Kiến thức chuyên ngành			24										
Bắt buộc			12										
58	BC05101	Tác phẩm báo chí thông tấn	5	2	2,5	0,5	15	15	15	0	60	22,5	BC02110 BC03802 BC03804
59	BC03602	Tác phẩm báo chí chính luận	3	1,5	1	0,5	22,5	0	10	0	20	22.5	BC02110 BC03802 BC03804
60	BC03605	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4	0,5	3,0	0,5	0	7,5	0	0	90	22,5	BC02110 BC03802 BC03804
Tự chọn			6/18										
61	BC03808	Ảnh báo chí	3	1,5	1	0,5	12,5	10	5	10	25	22.5	
62	BC03809	Nhật báo và tuần báo	3	1,5	1	0,5	12,5	10	5	10	25	22.5	
63	BC03810	Tạp chí	3	1,5	1	0,5	12,5	10	5	10	25	22.5	
64	BC03811	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3	1,5	1,5	0	12,5	10	10	0	35	0	
65	BC03812	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3	1,5	1,0	0,5	12,5	10	10	0	35	22,5	BC02801
66	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	3	1,5	1	0,5	12,5	10	5	10	25	22.5	
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận			6										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
Khóa luận/Tác phẩm tốt nghiệp			6										
67	BC04801	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6	0,5	5	0,5	0	7,5	0	0	150	22.5	
Học phần thay thế Khóa luận			6										
68	BC03606	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	3	1	1.5	0.5	10	5	10	0	35	22.5	
69	BC04813	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	3	1,5	1	0,5	12,5	10	5	10	25	22.5	BC02110 BC03802 BC03804

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Triết học Mác-Lênin	H5								M3						H4
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H5								M3						H4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5								M3						H4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5								M3						H4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5								M3						H4
6	Pháp luật đại cương		H5						H4							H4
7	Chính trị học		H5						M3							H4
8	Xây dựng Đảng		H5						M3							H4
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			H5					H4					M3		
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam			H5					H4					M3		
11	Các loại hình báo chí - truyền thông		H5		M3				M3					M3		
12	Địa chính trị thế giới				H5				H4					M3		
13	Tâm lý học dạy học đại học			H5					M3					M3		
14	Tâm lý học xã hội			H5			M3		M3					M3		
15	Tiếng Việt thực hành			H5			M3		H4					M3		
16	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo		H5						H4					M3		
17	Truyền thông đa phương tiện		H5						H4					M3		
18	Xã hội học đại cương			H5					M3					M3		
19	Tin học ứng dụng				H5				L2					M3		
20	Tiếng Anh học phần 1				H5				M3					M3		
21	Tiếng Anh học phần 2				H5				M3					M3		
22	Tiếng Anh học phần 3				H5				M3					M3		

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Tiếng Anh học phần 4				H5				M3					M3		
24	Tiếng Trung học phần 1				H5				M3					M3		
25	Tiếng Trung học phần 2				H5				M3					M3		
26	Tiếng Trung học phần 3				H5				M3					M3		
27	Tiếng Trung học phần 4				H5				M3					M3		
28	Pháp luật và đạo đức BCTT					H5			H4		H4			H4	M3	M3
29	Nghịệp vụ biên tập BCTT					H5			H4	H4	H4			H4	M3	M3
30	Quan hệ công chúng và quảng cáo					H5			M3		H4			H4	M3	M3
31	Lý thuyết truyền thông					H5	M3		H4	H4				H4	M3	M3
32	Quan hệ quốc tế				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
33	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông				M3	H5			H4		H4			H4	M3	M3
34	Truyền thông xã hội và mạng xã hội					H5			H4	H4				H4	M3	M3
35	Tâm lý học báo chí - truyền thông		M3			H5			H4	H4				H4	M3	M3
36	Lịch sử báo chí					H5			M3	H4				H4	M3	M3
37	Văn hoá báo chí - truyền thông					H5			H4		H4			H4	M3	M3
38	Thực tế CTXH					H4			H4					H4	M3	M3
39	Dẫn chương trình				H4				H4					H4	M3	M3
40	Xuất bản điện tử				M3				M3					H4	M3	M3
41	Xây dựng và quản trị thương				M3				H4	H4				H4	M3	M3

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	hiệu															
42	Công chúng báo chí - truyền thông						H5		H4	H4	H4			H4	M3	M3
43	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				M3		H5		H4	H4				H4	M3	M3
44	Cơ sở lý luận báo chí						H5		H4	H4				H4	H4	M3
45	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số				H4		H5		M3					H4	H4	M3
46	Lao động nhà báo						H5		H4			H4		H4	H4	M3
47	Tác phẩm báo in						H5		H4			H4		H4	H4	M3
48	Tác phẩm báo phát thanh						H5		H4			H4		H4	H4	M3
49	Tác phẩm báo truyền hình						H5		H4			H4		H4	H4	M3
50	Tác phẩm báo mạng điện tử						H5		H4			H4		H4	H4	M3
51	Thực tập nghiệp vụ				H5	M4	M4	H5	H4			H4		H4	H4	M3
52	Báo chí về chính trị - xã hội						H5		H4			H4		H4	H4	M3
53	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội						H5		H4			H4		H4	H4	M3
54	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
55	Báo chí về an ninh quốc phòng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
56	Báo chí về khoa học và giáo dục						H5		H4			H4		H4	H4	M3
57	Báo chí về các vấn đề toàn cầu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
58	Tác phẩm báo chí thông tấn							H5	H4				H4	H4	H4	H4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
59	Tác phẩm báo chí chính luận							H5	H4				H4	H4	H4	H4
60	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)				H5			H5	H4				H4	H4	H4	H4
61	Ảnh báo chí							H5	H4				H4	H4	H4	H4
62	Nhật báo và tuần báo							H5	H4				H4	H4	H4	H4
63	Tạp chí							H5	H4				H4	H4	H4	H4
64	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt							H5	H4				H4	H4	H4	H4
65	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông							H5	H4				H4	H4	H4	H4
66	Thiết kế và trình bày báo							H5	H4				H4	H4	H4	H4
67	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
68	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4
69	Tác phẩm báo chí chuyên sâu						H5	H5	H4				H4	H4	H4	H4

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	x							
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		x						
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x					
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				x				
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			x					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3		x						
7	CT01001	Chính trị học	2	x							
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2				x				
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	x							
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		x						
11	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2				x				
12	QT02552	Địa chính trị thế giới	2		x						
13	TG01007	Tâm lý học dạy học ĐH	2					x			
14	TG01007	Tâm lý học xã hội					x				
15	XB40101	Tiếng Việt thực hành	2		x						
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo						x			
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2					x			
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2				x				
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	x							
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	x							
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4		x						
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4			x					
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	3				x				
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	x							
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4		x						
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4			x					
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	3				x				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức BCTT	3			x					
29	XB02626	Nghệp vụ biên tập BCTT	2					x			
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3						x		
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	x							
32	QT01001	Quan hệ quốc tế	2						x		
33	PT03136	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	3			x					
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3					x			
35	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3				x				
36	PT02805	Lịch sử báo chí	3			x					
37	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	3					x			
38	BC03840	Thực tế CTXH	2			x					
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	x							
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2							x	
41	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3							x	
42	BC02115	Công chúng báo chí- truyền thông	3				x				
43	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2					x			
44	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3		x						
45	PT03134	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số	3	x							
46	BC03802	Lao động nhà báo	3			x					
47	BC03171	Tác phẩm báo in	3							x	
48	PT03131	Tác phẩm báo phát thanh	3						x		
49	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3					x			
50	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3				x				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
51	BC03822	Thực tập nghiệp vụ	3						x		
52	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	3					x			
53	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3					x			
54	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3					x			
55	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3					x			
56	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3					x			
57	BC03843	Báo chí về các vấn đề toàn cầu	3					x			
58	BC05101	Tác phẩm báo chí thông tấn	5							x	
59	BC03602	Tác phẩm báo chí chính luận	3							x	
60	BC03605	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4								x
61	BC03808	Ảnh báo chí	3							x	
62	BC03809	Nhật báo và tuần báo	3							x	
63	BC03810	Tạp chí	3							x	
64	BC03811	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3							x	
65	BC03812	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3							x	
66	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	3							x	
67	BC04801	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6								x
68	BC04812	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	3								x
69	BC04813	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	3								x
	Tổng			20	20	17	18	18	14	13	10

12. Phương pháp giảng dạy

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Dạy học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Dạy học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm/bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
1	Triết học Mác-Lênin			x							x							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x								
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x								x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x	x											
6	Pháp luật đại cương	x				x	x											
7	Chính trị học đại cương	x									x							
8	Xây dựng Đảng	x																
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x						x								x		
10	Xã hội học đại cương			x														
11	Địa chính trị thế giới	x					x											
12	Tiếng Việt thực hành	x																
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x								x								
14	Các loại hình báo chí -						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	truyền thông																	
15	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x				x	x											
16	Tâm lý học dạy học đại học	x						x										
17	Tâm lý học xã hội	x						x										
18	Truyền thông đa phương tiện						x	x	x						x	x	x	
19	Tin học ứng dụng					x+T H												
20	Tiếng Anh học phần 1	x	x			x												
21	Tiếng Anh học phần 2	x	x			x												
22	Tiếng Anh học phần 3	x	x			x												
23	Tiếng Anh học phần 4	x	x			x												
24	Tiếng Trung học phần 1	x	x			x												
25	Tiếng Trung học phần 2	x	x			x												
26	Tiếng Trung học phần 3	x	x			x												
27	Tiếng Trung học phần 4	x	x			x												
28	Pháp luật và đạo đức	x				x	x			x				x	x			

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	báo chí – truyền thông																	
29	Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông							x								x		
30	Quan hệ công chúng và quảng cáo								x								x	
31	Lý thuyết truyền thông						x	x	x						x	x	x	
32	Quan hệ quốc tế	x						x		x						x		
33	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	x				x	x			x				x	x			
34	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	x				x	x			x				x	x			
35	Tâm lý học báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
36	Lịch sử báo chí	x				x	x			x				x	x			
37	Văn hoá báo chí - truyền thông	x				x	x			x				x	x			
38	Thực tế chính trị - xã hội						X	x							x	x		
39	Dẫn chương trình						x	x	x						x	x	x	
40	Xuất bản điện tử	x								x								

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
41	Xây dựng và quản trị thương hiệu	x					x			x					x			
42	Công chúng báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
43	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại							x								x		
44	Cơ sở lý luận báo chí	x				x	x			x				x	x			
45	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số						x	x	x						x	x	x	
46	Lao động nhà báo						x	x	x						x	x	x	
47	Tác phẩm báo in						x	x	x						x	x	x	
48	Tác phẩm phát thanh						x	x	x						x	x	x	
49	Tác phẩm báo truyền hình						x	x	x						x	x	x	
50	Tác phẩm báo mạng điện tử						x	x	x						x	x	x	
51	Thực tập nghiệp vụ								x								X	
52	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	x				x	x			x				x	x			
53	Báo chí về môi trường						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	và biến đổi khí hậu																	
54	Báo chí về an ninh quốc phòng	x				x	x			x				x	x			
55	Báo chí về chính trị - xã hội	x				x	x			x				x	x			
56	Báo chí về khoa học và giáo dục	x				x	x			x				x	x			
57	Báo chí với các vấn đề toàn cầu	x				x	x			x				x	x			
58	Tác phẩm báo chí thông tấn						x	x	x						x	x	x	
59	Tác phẩm báo chí chính luận						x	x	x						x	x	x	
60	Thực tập tốt nghiệp(năm 4)								x								X	
61	Ảnh báo chí						x	x	x						x	x	x	
62	Nhật báo và tuần báo						x	x	x						x	x	x	
63	Tạp chí						x	x	x						x	x	x	
64	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
65	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông						x	x	x						x	x	x	
66	Thiết kế và trình bày báo						x	x	x						x	x	x	
67	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/ Dự án tốt nghiệp						x	x	x						x	x	X	
68	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu						x	x	x						x	x	x	
69	Tác phẩm báo chí chuyên sâu						x	x	x						x	x	x	

15. Điều kiện đội ngũ

15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Lê Thị Nhã	01/3/1966	Báo chí			x		
2	Vũ Huyền Nga	05/9/1975	Báo chí			x		

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
3	Nguyễn Thị Trường Giang	16/4/1978	Báo chí		x	x		
4	Đinh Thị Xuân Hòa	15/6/1974	Báo chí			x		
5	Trương Thị Kiên	4/1/1978	Báo chí		x			
6	Trần Thị Vân Anh (1979)	05/8/1979	Ngôn ngữ			x		
7	Dương Quốc Bình	27/10/1986	Truyền thông				x	
8	Lương Thị Phương Diệp	07/10/1985	Báo chí				x	
9	Trần Thị Phương Lan	07/12/1982	Báo chí				x	
10	Trần Thị Hoa Mai	11/2/1971	Báo chí				x	
11	Lê Ngọc Tùng	24/03/1981	Báo chí				x	
12	Nguyễn Văn Trường	01/05/1974	Báo chí			x		

15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x			
2	Ngô Việt Anh	1979	Báo chí				X	
3	Vũ Tuấn Anh	1978	Truyền thông			x		
4	Lê Hải	1981	Báo chí			x		
5	Phạm Thị Thu Huyền	1980	Báo chí			x		
6	Trần Bảo Khánh	1958	Báo chí			x		
7	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
8	Nguyễn Quang Vinh	1967	Báo chí			x		
9	Nguyễn Thị Bích Yến	1978	Báo chí			x		
10	Trần Thị Tri	1963	Kinh tế			x		

16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT**16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy....**

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị (dành cho các ngành khối nghiệp vụ)

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft.	1

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
		- Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở	17	3.709

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
	thực hành, thực tập, luyện tập		
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.aic.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng

STT	Loại tài liệu	Số lượng
1	Giáo trình	60
2	Sách chuyên khảo	70
3	Sách tham khảo	70
4	Đề cương bài giảng	10

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình từ khóa 44 (2024-2028).
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
 - + Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	PT03136	Ngôn ngữ báo chí truyền thông	3
2	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	3	BC02109	Văn hoá báo chí - truyền thông	3

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
3	BC03804	Tác phẩm báo in	5	BC03171	Tác phẩm báo in	3
				XB02601	Nghịệp vụ biên tập BCTT	2
4	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	5	PT03131	Tác phẩm báo phát thanh	3
				QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2
5	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	5	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3
				XB02610	Xuất bản điện tử	2
6	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	5	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3
				QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2
				BC03813	(hoặc) Báo chí về CT-XH	3
7	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5	PT03134	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	3
				BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2
8	BC03601	Tác phẩm báo chí thông tấn	6	BC05101	Tác phẩm báo chí thông tấn	5
9	BC03840	Thực tế CTXH	2	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2
				BC03840	Hoặc Thực tế CTXH	3
10	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3	BC03813	Báo chí về Chính trị - xã hội	3

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Giữ nguyên	Giữ nguyên	

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Chuẩn đầu ra</i>	27 chuẩn đầu ra	15 chuẩn đầu ra	Rút gọn các chuẩn đầu ra trên cơ sở tích hợp các chuẩn đầu ra theo khối kiến thức và nhóm kỹ năng.
<i>Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia</i>	Có	Có	Cập nhật điều chỉnh theo chương trình mới với 06 Mục tiêu về kiến thức, 06 mục tiêu về kỹ năng, 03 mục tiêu về mức độ tự chủ, trách nhiệm và 07 PLO Kiến thức, 05 PLO Kỹ năng, 03 PLO năng lực tự chủ, trách nhiệm.
<i>Tiêu chí tuyển sinh</i>	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện	Giữ nguyên
<i>Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp</i>	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Giữ nguyên
<i>Sơ đồ cây chương trình đào tạo</i>	Chưa có	Bổ sung mới	Được điều chỉnh theo sự điều chỉnh cơ cấu học phần và trình tự tổ chức dạy học

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Nội dung chương trình	- Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ nhưng có điều chỉnh các khối kiến thức và các học phần mới được bổ sung.	- Giữ nguyên tổng số tín chỉ toàn khóa và tổng số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; điều chỉnh, bổ sung một số môn học mới như <i>Các loại hình báo chí - truyền thông, PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo, Truyền thông đa phương tiện...</i> - Bỏ kiến thức bổ trợ - Tăng tín chỉ khối kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; điều chỉnh, thay đổi, bổ sung một số môn học như <i>Dẫn chương trình, Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông, Xuất bản điện tử, Xây dựng và quản trị thương hiệu...</i> - Điều chỉnh, phân bổ lại số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học của một số học phần, như môn <i>Thực tế chính trị xã hội</i> tăng từ 2 lên 3 tín chỉ.
Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT	Có	Có điều chỉnh	Điều chỉnh cách đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo mức độ 1,2,3,4,5,6 tương ứng của từng bậc: L (thấp), M (trung bình) và H (cao), mang tính phân loại cao hơn giữa các học phần.
Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	Có	Có điều chỉnh	Sắp xếp lại thứ tự các học phần theo logic nhận thức của người học và theo trình tự tiên quyết các khối kiến thức, nhóm kỹ năng.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Phương pháp giảng dạy</i>	Chưa có	Có	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
<i>Phương pháp học tập</i>	Chưa có	Có	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<i>Hình thức đánh giá</i>	Có	Có	Cập nhật theo chương trình mới, điều chỉnh tỉ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá trong một học phần. Thay đổi từ tỉ lệ 10%-30%-60% thành 20%-30% và 50%. Bổ sung thêm các hình thức đánh giá đa dạng hơn, cả trực tiếp. và trực tuyến cho tất cả các môn.
<i>Hướng dẫn thực hiện chương trình</i>	Có	Có	Được cụ thể hóa thêm về các học phần thay thế, học phần tương đương do điều chỉnh chương trình, quy định thêm về số tín chỉ được học vượt để tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành.
<i>Điều kiện đội ngũ</i>	Có	Có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo tình hình đội ngũ hiện thời.
<i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT</i>	Có	Có	Cập nhật theo điều kiện hiện có, bao gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.

19. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực tham gia vào các hoạt động học tập cũng như mong muốn truyền bá tri thức môn học.
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới; Có kỹ năng tư duy, kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế để phân tích các quan hệ kinh tế; Có ý thức trách nhiệm phù hợp khi tham gia hệ thống kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp đại học.
3	CN01001	CNXHKH	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức của CNXHKH; hiểu được các quy luật và các tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình ra đời, phát triển hình thái kinh tế - xã hội XHCN - CSCN. Bước đầu có kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị xã hội. Từ những hiểu biết đó, sinh viên có thái độ tin tưởng, ủng hộ cũng như tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm góp phần thực hiện thành công cách mạng XHCN - con đường mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến nay. Có nhận thức đúng đắn, khách quan về thực tiễn lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng qua các giai đoạn cách mạng. Có kỹ năng phân tích, vận dụng các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh và đánh giá sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công cuộc đổi mới hiện nay.
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	Sau khi kết thúc môn học, sinh viên nhận thức rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về phòng, chống tham nhũng; có kiến thức tổng hợp về nhà nước và pháp luật Việt Nam; đánh giá được mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam với thực tiễn; có thể đề xuất được một số biện pháp cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức của sinh viên về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng và đấu tranh kiên quyết với hành vi vi phạm pháp luật.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản tập trung vào những nội dung cốt lõi của chính trị học bao gồm: các tư tưởng chính trị, quyền lực và quyền lực chính trị, các thể chế chính trị từ đó hình thành kỹ năng, thái độ và quan điểm đúng đắn, khách quan để định hướng hành vi cho người học trước những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính trị thực tiễn
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ ghi nhớ được các tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng; vận dụng, phân tích, đánh giá được những vấn đề đó để liên hệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, công tác đảng đặt ra. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức cuộc họp, phân tích và phản biện các vấn đề về xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và trình độ nhận thức, củng cố niềm tin, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tổ chức đảng, phấn đấu trở thành đảng viên, đứng trong hàng ngũ của Đảng.
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hướng tới hình thành năng lực và phẩm chất cơ bản cho người học về nghiên cứu khoa học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có điều kiện nâng cao hiểu biết chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, có kỹ năng gìn giữ, xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có những kiến thức chung về các loại hình báo chí – truyền thông: khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, thế mạnh, kỹ năng sáng tạo một số loại hình báo chí - truyền thông ở mức cơ bản; những kiến thức này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	Sau khi học xong môn học, sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về địa chính trị thế giới: khái niệm, các quan điểm địa-chính trị, đặc điểm địa - trị thế giới; Hiểu rõ các đặc điểm địa –chính trị ở các châu lục, khu vực. Hiểu rõ sự tác động của các đặc điểm địa-chính trị đến quan hệ quốc tế; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển của quốc gia, khu vực. Có khả năng tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị dựa trên nền của các yếu tố địa lý, hình thành khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề quốc tế, ở các khía cạnh khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai.
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức chung về truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm, phương pháp nghiên cứu. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về môn học xã hội học làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2-Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở bậc sơ cấp dùng trong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2 cao và bậc 3 thấp, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với mức A2+, B1- Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR). Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện 4 kỹ năng. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, sức khỏe, giải trí; công nghệ, trải nghiệm, có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như nét nhận diện bản thân, sự thành công, làm việc cùng nhau, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 4/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân, có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc sơ cấp thấp tương đương với HSK1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, nắm được cách viết chữ Hán, các quy tắc ngữ pháp, từ vựng cũng như có kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ sơ cấp thấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày với các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, thời gian, nơi chốn, trường học, mua bán.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试), tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên nắm chắc được phần ngữ âm, cách viết chữ Hán, kiến thức ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như thời gian, công việc, sở thích, học tập, hỏi đường
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật báo chí, truyền thông và đạo đức nghề nghiệp; sinh viên sau khi học xong học phần này có thái độ tôn trọng pháp luật và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; học phần cũng đòi hỏi sinh viên phải xây dựng được năng lực tư duy pháp lý, phân tích được sự kiện pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ; rèn luyện cho sinh viên ý thức, thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp.
29	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông	2	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ biên tập. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để biên tập các loại hình, sản phẩm của báo chí truyền thông. Đồng thời, học phần sẽ hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được cơ sở lý luận, các mô hình truyền thông được sử dụng trong hai lĩnh vực này, phân biệt được các hoạt động quan hệ công chúng và các loại hình quảng cáo...; hình thành được kỹ năng phân tích và đánh giá một số hoạt động quan hệ công chúng, quảng cáo như: quan hệ với báo chí, chiến dịch quan hệ công chúng và quảng cáo,...; từ đó có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học khi tham gia nghiên cứu và thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được lý thuyết cơ bản về truyền thông, bao gồm: khái niệm, lịch sử phát triển, các mô hình, môi trường truyền thông; cách ứng dụng một số lý thuyết truyền thông; đặc trưng, phân loại và cách thức sử dụng của các kênh truyền thông cá nhân, nhóm và đại chúng; xác định được các bước của một chu trình truyền thông, xây dựng được kế hoạch, giám sát, đánh giá và phân tích hoạt động truyền thông; có thái độ tích cực, đúng đắn trong tham gia thực hiện các chiến dịch, chương trình truyền thông.
32	QT02001	Quan hệ quốc tế	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kỹ năng phân tích, đánh giá được một số nội dung cốt lõi có liên quan đến quan hệ quốc tế; có nhận thức đúng đắn về một số vấn đề quan hệ quốc tế cơ bản cũng như về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
33	PT03136	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
42	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.
43	QT03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được hệ thống khái niệm, các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Nắm được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng... trong hoạt động truyền thông quốc tế. Tìm hiểu thực trạng truyền thông quốc tế ở một số quốc gia, một số tổ chức quốc tế... trên thế giới. Ngoài ra cung cấp các kiến thức về các sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay: công chúng, nội dung, quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại.
44	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm, phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
45	PT03134	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.
46	BC03802	Lao động nhà báo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.
47	BC03171	Tác phẩm báo in	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo in; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các thể loại tác phẩm báo chí cơ bản như: tin, bài phản ánh, phỏng vấn, phóng sự, bình luận.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
48	PT03131	Tác phẩm báo phát thanh	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.
49	PT03132	Tác phẩm báo truyền hình	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.
50	PT03133	Tác phẩm báo mạng điện tử	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.
51	BC03733	Thực tập nghiệp vụ năm 3	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được rèn luyện, củng cố, phát triển và trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp thông qua việc thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế, sáng tạo tác phẩm tại các cơ quan, tổ chức phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
60	BC03850	Thực tập tốt nghiệp	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được rèn luyện, củng cố, phát triển và trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng đã học trên lớp thông qua việc thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế, sáng tạo tác phẩm tại các cơ quan, tổ chức phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
61	BC03808	Ảnh báo chí	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh báo chí; cơ sở lý luận ảnh báo chí; kỹ năng sáng tạo ảnh đơn; kỹ năng sáng tạo ảnh bộ. sinh viên nghiên cứu, làm việc nhóm, phân tích, đánh giá ảnh báo chí; sáng tạo tác phẩm ảnh báo chí.
62	BC03809	Nhật báo và tuần báo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về Nhật báo và Tuần báo; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm của Nhật báo và Tuần báo; phân loại, mô hình tổ chức thông tin cho Nhật báo và Tuần báo; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; quản trị và kinh doanh sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo.
63	BC03810	Tạp chí	3	Những kiến thức cơ bản về Tạp chí; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, phân loại Tạp chí; mô hình tổ chức thông tin cho Tạp chí; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Tạp chí; quản trị và kinh doanh sản phẩm Tạp chí; cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Tạp chí; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Tạp chí.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
64	BC03811	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về ấn phẩm báo chí chuyên biệt và tầm quan trọng của báo chí chuyên biệt trong đời sống xã hội; Thông tin về các ấn phẩm báo chí chuyên biệt và một số vấn đề đặt ra. Thực hành sản xuất tác phẩm báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt; sản xuất chuyên đề báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt
65	BC03812	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế dự án báo chí và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như: những đặc trưng cơ bản về thiết kế dự án báo chí – truyền thông, khái niệm và đặc điểm của các sản phẩm truyền thông. Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; lập kế hoạch tổ chức sản xuất, cũng như sử dụng các công cụ, phần mềm ứng dụng trong thiết kế, sản xuất sản phẩm truyền thông.
66	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	3	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế và trình bày một trang báo, một số báo; cách thức thiết kế như màu sắc, đường nét, mảng khối của mảng sét tờ báo, tiêu đề bài viết; cách thức trình bày chuyên trang, chuyên mục.
67	BC04801	Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp	6	Sau khi làm xong khóa luận /tác phẩm tốt nghiệp, người học sẽ có khả năng hình thành ý tưởng, về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên môn trong thực tiễn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
68	BC04812	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về lý thuyết của báo chí và truyền thông dữ liệu như khái niệm, lịch sử, vai trò, đặc điểm, hệ thống các loại hình báo chí – truyền thông dữ liệu mới; xu hướng và kỹ năng cơ bản trong ứng dụng báo chí – truyền thông dữ liệu trong sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí ở các cơ quan báo chí hiện nay; các kỹ năng tìm kiếm và xử lý dữ liệu, phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp báo chí.
69	BC04813	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí chuyên sâu theo lĩnh vực nội dung (nội chính, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, môi trường...). Sinh viên phân tích được quá trình và phương pháp sáng tạo, thực hành kỹ năng sáng tạo các thể loại báo chí đòi hỏi kiến thức kỹ năng tổng hợp, nâng cao.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

**TRƯỞNG BAN
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**



Trần Văn Thư

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Trường Giang

